TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Sơn

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn T-Đng Hải - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê T-K, sinh năm 1995 *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp N-B, xã T-YA, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Trần T-Đ, sinh năm 1991 *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp 9B, xã T-H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2017, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê T-K trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh T-Đ quen biết nhau trước và được gia đình hai bên tổ chức lễ

cưới ngày 28/4/2012al, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do không hòa hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẩn. Sau đó vợ chồng ly thân từ tháng 7/2014, chị T-K về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Chị T-K khởi kiện xin ly hôn với anh T-Đ.

Về con chung: chị T-K xin được nuôi con chung là Trần Lê T-V, sinh ngày 12/11/2012, không yêu cầu anh T-Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T-K không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: vợ chồng chị không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Trần T-Đ trình bày:*

Thừa nhận quan hệ hôn nhân như lời chị T-K trình bày. Cụ thể anh chị quen biết nhau rồi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào ngày 28/4/2012al. Đến tháng 7/2014 chị T-K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị T-K xin ly hôn, anh T-Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh, chị có 01 đứa con chung Trần Lê T-V, sinh ngày 12/11/2012 hiện nay chị T-K đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T-Đ thống nhất giao con cho vợ nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: vợ chồng không nợ chung ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Do anh T-Đ và chị T-K sống chung không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; về con chung, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao 01 con chung tên Trần Lê T-V, sinh ngày 12-11-2012 cho chị T-K tiếp tục nuôi dưỡng, anh T-Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê T-K và anh Trần T-Đ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau từ ngày 28/4/2012 âm lịch nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị T-K có yêu cầu ly hôn với anh T-Đ, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T-K và anh T-Đ.

[2] Về nuôi con chung: Chị T-K và anh T-Đ cùng thống nhất xác định, vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trần Lê T-V, sinh ngày 12/11/2012, hiện nay chị T-K đang nuôi dưỡng. Chị T-K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng; anh T-Đ cũng đồng ý giao con cho chị T-K tiếp tục nuôi dưỡng, anh T-Đ không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T-K. Thấy rằng, sự thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện, phù hợp pháp luật, đảm bảo được quyền lợi cho con nên cần ghi nhận. Theo đó giao cháu T-V cho chị T-K nuôi dưỡng, anh T-Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Chị T-K và anh T-Đ cùng thống nhất xác định, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về nợ chung: Chị T-K và anh T-Đ xác định vợ chồng không nợ chung đối với ai khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T-K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; 266; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê T-K và anh Trần T-Đ.

2- Về con*:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T-K và anh T-Đ, giao con chung tên Trần Lê T-V, sinh ngày 12/11/2012 cho chị T-K tiếp tục nuôi dưỡng *(hiện cháu T-V đang sống với chị T-K),* anh T-Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ*:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4- Về án phí: Chị Lê T-K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008531 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị T-K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15-3-2018).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công